TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TC** TỈNH AG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;

2. Ông Nguyễn Hoàng Tam.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên toà: Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 468/2022/TLST-HN&GĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HN ngày 20 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 66/19/34/6 đường Trần Văn Quang, phường 10, quận TB, thành phố HCM.

Chỗ ở hiện nay: Số 220/17 đường Âu Cơ, phường 9, quận TB, thành phố HCM.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số 309 đường Trần Phú, khóm Long Châu, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG.

Anh Ch có mặt tại phiên tòa; Chị D vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Ch trình bày: Năm 2012, anh Ch và chị D tự tìm hiểu, yêu thương nhau, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 10, quận TB, thành phố HCM theo giấy chứng nhận kết hôn số 55/2018 ngày 26/3/2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về kinh tế nên thường xuyên xảy ra tranh cải, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Năm 2020, chị D đi du lịch ở Đài Loan, thời gian đầu anh Ch có liên lạc với chị D qua điện thoại nhưng sau đó, không liên lạc được. Anh Ch và chị D không chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Ch yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Ch và chị D có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hải C, sinh ngày 23/02/2018. Hiện cháu C đang sống với chị D và gia đình chị D. Khi ly hôn, anh Ch đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dạy, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 881/TB-TLVA ngày 18/11/2022; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 744/TB-TA ngày 13/12/2022 và số 106/TB-TA ngày 07/3/2023 cho chị Nguyễn Thị Thùy D thông qua người thân là chị Nguyễn Thị Trúc Gi (chị ruột của D) nhận thay và cam kết báo lại cho chị D biết về việc anh Ch khởi kiện ly hôn với chị D tại Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG nhưng chị D vắng mặt tham gia tố tụng và không có văn bản ý kiến phản hồi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị D vắng mặt, anh Ch vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với chị D và đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, anh Ch không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh nơi cư trú của chị Nguyễn Thị Thùy D tại Công an phường LC, thị xã TC; Xác minh tình trạng hôn nhân và con chung của anh Ch và chị D tại Ban khóm LC; Lời khai người thân Nguyễn Thị Trúc Gi về tình trạng hôn nhân và con chung, cụ thể:

- Công an phường LC, thị xã TC cung cấp: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 04, khóm Long Châu, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG. Hiện chị D vắng mặt ở địa phương.

- Ban khóm LC, phường LC, thị xã TC cung cấp: về quan hệ hôn nhân, anh Ch và chị D tự tìm hiểu, quen biết nhau vào năm 2012, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Theo nguồn tin tại địa phương, được biết vợ chồng (Ch – D) mâu thuẫn vào năm 2019 nguyên nhân do kinh tế gia đình, chị

D đi làm ở Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ cụ thể. Thỉnh thoảng chị D về thăm gia đình, đồng thời cũng không thấy vợ chồng chung sống và qua lại với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Anh Ch sống tại thành phố HCM, còn chị D có cư trú tại số nhà 309 đường Trần Phú, khóm Long Châu, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG. Về con chung, giữa anh Ch và chị D có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hải C, sinh ngày 23/02/2018.

- Lời khai người thân chị Nguyễn Thị Trúc Gi (chị ruột D) cho biết: Vợ chồng (Ch –D) tự tìm hiểu, quen biết nhau, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng (Ch – D) sống tại thành phố HCM. Qúa trình chung sống thì mâu thuẫn như thế nào không rõ, đến năm 2020 thì chị D sang Đài Loan sinh sống nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Từ đó, vợ chồng (Ch - D) không còn chung sống với nhau. Đến tháng 01/2022, chị D trở về Việt Nam, chị D sinh sống và làm việc tại thành phố HCM cho đến nay.

Vợ chồng (Ch – D) có 01 người con chung tên Nguyễn Hải C, sinh ngày 23/02/2018. Hiện cháu C đang được chị D và gia đình chị D chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt, triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hôn nhân giữa anh Nguyễn Hữu Ch và chị Nguyễn Thị Thùy D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của anh Ch và chị D đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc anh Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn với Chị D là có cơ sở, nên chấp nhận.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hải C, sinh ngày 23/02/2018. Hiện cháu C đang sống với chị D. Khi ly hôn, anh Ch đồng ý giao cháu C cho chị D nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa anh Nguyễn Hữu Ch với chị Nguyễn Thị Thùy D.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hải C, sinh ngày 23/02/2018 cho chị D. Anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí:* Đương sự phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Hữu Ch khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D. Chị D có nơi cư trú tại tổ 04, khóm Long Châu, phường LC, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu Ch và chị Nguyễn Thị Thùy D có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 10, quận TB, thành phố HCM theo giấy chứng nhận kết hôn số 55/2018 ngày 26/3/2018, hôn nhân giữa anh Ch và chị D là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Anh Ch khai: Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng về kinh tế nên thường xuyên xảy ra tranh cải, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh Ch và chị D đã không còn chung sống với nhau từ năm 2020 cho đến nay. Anh Ch yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D.

Theo biên bản xác minh tại Ban khóm Long Châu, phường LC, thị xã TC cung cấp: Vợ chồng (Ch – D) mâu thuẫn vào năm 2019 nguyên nhân do kinh tế gia đình, đồng thời cũng không thấy vợ chồng chung sống và qua lại với nhau từ năm 2020 cho đến nay.

Chị Nguyễn Thị Trúc Gi (chị ruột D) cho biết: Sau khi kết hôn, vợ chồng (Ch – D) sống tại thành phố HCM. Qúa trình chung sống thì mâu thuẫn như thế nào không rõ. Đến năm 2020, chị D sang Đài Loan nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Từ đó, vợ chồng (Ch - D) không còn chung sống với nhau. Đến tháng 01/2022 thì chị D trở về Việt Nam, chị D sinh sống và làm việc tại thành phố HCM cho đến nay.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của anh Ch và chị D phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do mâu thuẫn kinh tế gia đình và sống xa nhau từ năm 2020 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho anh Ch và chị D hàn gắn tình cảm, nhưng chị D vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng anh Ch và chị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho anh Nguyễn Hữu Ch ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Ch và chị D có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hải C, sinh ngày 23/02/2018.

Chị Nguyễn Thị Trúc Gi (chị ruột Dung) cung cấp: Vợ chồng (Ch - D) có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hải C, sinh ngày 23/02/2018. Hiện cháu C được chị D và gia đình chị D chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng. Tại phiên tòa, anh Ch đồng ý giao cháu C cho chị D nuôi dưỡng, anh Ch không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của anh Ch về nuôi con chung. Xét, giao cháu Nguyễn Hải C, sinh ngày 23/02/2018 cho chị D nuôi dưỡng, anh Ch không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Thùy D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Hữu Ch trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Ch khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Ch phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu Ch.

Anh Nguyễn Hữu Ch được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2018 được Uỷ ban nhân dân phường 10, quận TB, thành phố HCM cấp ngày 26/3/2018 cho anh Nguyễn Hữu Ch và chị Nguyễn Thị Thùy D không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy D được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hải C, sinh ngày 23/02/2018 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Hữu Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Thùy D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Hữu Ch trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Nguyễn Hữu Ch phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0007239 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG. Anh Nguyễn Hữu Ch đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Thùy D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Ch có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của chị D là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh AG (01);
- VKSND TX. TC (02);
- Chi cục THADS TX. TC(01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương